

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quyết định này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

1. Mật độ chăn nuôi của tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/ha đất nông nghiệp.

2. Mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 được quy định như sau:

a) Thành phố Đông Hà: Không vượt quá 0,5 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

b) Thị xã Quảng Trị: Không vượt quá 0,7 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

c) Huyện Vĩnh Linh: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

d) Huyện Hướng Hóa: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

đ) Huyện Gio Linh: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

e) Huyện Đakrông: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;

- g) Huyện Cam Lộ: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;
- h) Huyện Triệu Phong: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp;
- i) Huyện Hải Lăng: Không vượt quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành liên quan và địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh trong trường hợp cần thiết.

b) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan, các địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đảm bảo mật độ chăn nuôi tại Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, thẩm định các dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các chính sách quy định về đất đai cho các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi phù hợp với quy định tại Quyết định này.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi tại địa phương phù hợp với mật độ chăn nuôi được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

b) Tổ chức tuyên truyền Quyết định này cho các cá nhân, tổ chức có hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

c) Kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn trong trường hợp cần thiết.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định để định hướng, xây dựng kế hoạch phát triển chăn nuôi của địa phương phù hợp với mật độ chung của cấp huyện; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn.

7. Các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phải đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại Điều 2 Quyết định này và tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động chăn nuôi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&PTNT);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng